

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 639/2017/LĐ - PT

Ngày: 20/7/2017

V/v “Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Phan Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 tháng 6 và 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/LĐPT - LĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017, về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 05/2017/LĐ - ST ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1084/2017/QĐ - PT ngày 30 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh T B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: B15/35Q Khu phố 7, Trương Phước Phan, Phường BTĐ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị K P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 63/4 Đường 702 Hồng Bàng, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn V H, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: 173 Nguyễn Hữu Tiên, Phường TT, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2016).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ Phần TPM

Địa chỉ trụ sở: 7 - 9 – 11 Đường 24, Phường BTĐ B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quách T T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Dương Trần D R, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: 46 Đường 12, khu phố K, phường U, thành phố TDK, tỉnh B Dương.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 09/6/2017 của Công ty TPM).

- *Người kháng cáo*: Công ty TPM

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh T B, bà Nguyễn Thị K P có ông Nguyễn V H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 9 năm 2010, bà Nguyễn Thị K P ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH X may in thêu HBN nay là Tổng Công Ty TPM, chức danh chuyên môn là nhân viên, mức lương cơ bản 3.320.000 đồng/tháng.

Tháng 10 năm 2012, bà Huỳnh T B ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH X may in thêu HBN nay là Tổng Công Ty TPM, chức danh chuyên môn là nhân viên, mức lương cơ bản 3.320.000 đồng/tháng.

Ngày 14/9/2015, ông Hồ Q B – trưởng Phòng Hành Chính nhân sự của Công ty TPM ra Thông báo số 54 – 2015/TBNV – TPM và Thông báo số 55 – 2015/TBNV – TPM chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B, giao thông báo cho hai bà tại Công ty, yêu cầu bà P, bà B bắt đầu nghỉ việc tại Công ty từ ngày 15/9/2015 với lý do Công ty không có nhu cầu tuyển dụng.

Căn cứ Thông báo nêu trên, ngày 06/11/2015 và ngày 18/11/2015, Công ty TPM ra Quyết định số 01/11 – 15/QĐ và Quyết định số 02/11 – 15/QĐ, Quyết định thôi việc đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

Bà P, bà B cho rằng Công ty TPM ra Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên bà P, bà B đã khởi kiện Công ty tại Tòa án yêu cầu trả cho mỗi bà các khoản sau:

Bà Nguyễn Thị K P yêu cầu:

1. Trả tiền lương trong những ngày bà P không được làm việc từ ngày 15/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2017)

$3.320.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} = 57.878.666 \text{ đồng}.$

2. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ Luật Lao động

$3.320.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 6.640.000 \text{ đồng}.$

3. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ Luật Lao động

$3.320.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 6.640.000 \text{ đồng}.$

4. Bồi thường 45 ngày lương theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ Luật Lao động là 4.980.000 đồng.

Tổng Cộng: 69.498.666 đồng.

Bà Huỳnh T B yêu cầu:

1. Trả tiền lương trong những ngày bà B không được làm việc từ ngày 15/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2017)

$3.320.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} = 57.878.666 \text{ đồng}.$

2. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ Luật Lao động

$3.320.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 6.640.000 \text{ đồng}.$

3. Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ Luật Lao động

$3.320.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 6.640.000 \text{ đồng}.$

4. Bồi thường 45 ngày lương theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ Luật Lao động là 4.980.000 đồng.

Tổng Cộng: 69.498.666 đồng.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2016 và trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn – Công ty TPM có bà Dương Trần D R đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 5, tháng 6 năm 2014, bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B xin làm việc trước tại Chi nhánh Công ty TPM với lương thỏa thuận 2.890.000 đồng/tháng và thỏa thuận ký hợp đồng lao động sau khi đã làm việc.

Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà P, bà B thường xuyên nghỉ việc, không hoàn thành công việc được giao bị nhắc nhở nhiều lần vẫn vi phạm.

Ngày 14/9/2015, Công ty TPM đã lập biên bản xử lý kỷ luật lao động và ra Thông báo số 54 – 2015/TBNV – TPM và Thông báo số 55 – 2015/TBNV – TPM thi hành kỷ luật với hình thức buộc thôi việc đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B nhưng Công ty không phát hành hoặc giao hai Quyết định này cho bà P, bà B.

Ngày 06/11/2015 và ngày 18/11/2015, Công ty TPM ra Quyết định số 01/11 – 15/QĐ và Quyết định số 02/11 – 15/QĐ, về việc xử lý kỷ luật lao động đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B với hình thức cho nghỉ việc.

Công ty TPM xác định giữa Công ty với bà P, bà B không ký hợp đồng lao động, nguyên đơn khởi kiện Công ty tranh chấp hợp đồng không xác định thời hạn là không đúng thực tế. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà P, bà B trong quá trình làm việc. Công ty đã thực hiện đúng thủ tục xử lý kỷ luật lao động nên không đồng ý bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật như yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận P phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án chưa thực hiện đúng điểm b, khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự, vi phạm này không ảnh hưởng đến đường lối xét xử vụ án. Viện Kiểm sát nhân dân quận P kiến nghị rút kinh nghiệm.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 05/2017/LĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng:

Điểm a, b Khoản 1 Điều 32; điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 1 Điều 22, Điểm a Khoản 2 Điều 38 Điều 41, Khoản 3 và khoản 5 Điều 42, Điều Bộ luật Lao động năm 2012;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30, 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

1. Xác định Công ty TPM đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

2. Công ty TPM có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B các khoản tiền sau:

2.1. Đối với bà Nguyễn Thị K P:

- Bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 15/9/2015 đến ngày 28/02/2017 (ngày xét xử sơ thẩm): 17 tháng x 3.320.000 đồng = 57.878.666 đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ Luật lao động là 6.640.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 của Bộ Luật lao động là 6.640.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Bồi thường 45 ngày lương theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ Luật lao động là 4.980.000 đồng (bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng)

Tổng cộng: 69.498.666 đồng (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Đối với bà Huỳnh T B:

- Bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 15/9/2015 đến ngày 28/02/2017 (ngày xét xử sơ thẩm): 17 tháng x 3.320.000 đồng = 57.878.666 đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ Luật lao động là 6.640.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 của Bộ Luật lao động là 6.640.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Bồi thường 45 ngày lương theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ Luật lao động là 4.980.000 đồng (bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng)

Tổng cộng: 69.498.666 đồng (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng Công ty TPM còn phải trả thêm một khoản tiền bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy

động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng nhà nước Việt nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

3. Án phí lao động sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

3.2. Công ty TPM phải chịu án phí lao động sơ thẩm: 4.169.920 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quy định về thi hành án.

Ngày 09/03/2017, bị đơn – Công ty TPM nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2017/ ST – LĐ ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do không đồng ý với bản án đã tuyên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

Ngày 04/4/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 243/QĐ/KNPT – LĐ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 05/2017/ ST – LĐ ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo thủ tục phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo hướng sửa một phần bản án về việc tính lại thời gian và số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B có ông Nguyễn V H – đại diện theo ủy quyền trình bày: Không kháng cáo bản án sơ thẩm, xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn – Công ty TPM phải bồi thường 02 tháng tiền lương để thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động và rút yêu cầu buộc bị đơn trả 45 ngày lương vi phạm quy định về thời hạn báo trước, theo khoản 3 và khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012.

Bị đơn – Công ty TPM có bà Dương Trần D R – đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án sai thẩm quyền, vi phạm thời gian giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử:

- Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định Điều 286, 290, 292 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn xét xử phúc thẩm, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và của người đại diện đúng quy định tại Điều 70, 71, 85, 87 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 243/QĐ/KNPT – LD ngày 04/4/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 05/2017/ ST – LD ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm tính lại tổng số tiền bồi thường bị đơn – Công ty TPM phải trả cho nguyên đơn - bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu đòi bồi thường vi phạm thời hạn báo trước và 02 tháng tiền lương theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012. Việc nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện không trái pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định Đình chỉ đối với các yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B khởi kiện cho rằng Công ty TPM đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên đã khởi kiện Công ty TPM tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hai bà làm việc để yêu cầu bồi thường.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2016, bà Dương Trần D R – người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Công ty TPM khai: Bà P, bà B vào làm việc tại Chi nhánh Công ty TPM địa chỉ tại 78 – 80 đường Khuông Việt, phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 5, tháng 6 năm 2014.

Theo công văn số 5.700/PĐKKD – KT ngày 19/7/2017 của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: Công ty TPM có đăng ký thành lập Chi nhánh Công ty TPM (Mã số chi nhánh: 030198xxx – 00x) tại địa chỉ 78 – 80 Khuông Việt, phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13/7/2017, Chi nhánh Công ty TPM đã chấm dứt hoạt động.

Theo sổ Bảo hiểm xã hội bắt buộc số 7910350546, thẻ hiện bà Nguyễn Thị K P là công nhân - Công ty TPM, nơi làm việc 78 – 80 Khuông Việt, G ,P . Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2014 đến tháng 11/2015.

Theo sổ Bảo hiểm xã hội bắt buộc số 7912136901, thể hiện bà Huỳnh T B là công nhân - Công ty TPM, nơi làm việc 78 – 80 Khuông Việt, G, P. Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2014 đến tháng 11/2015.

Từ các tài liệu chứng cứ nêu trên, xét thấy bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B khởi kiện Công ty TPM tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tranh chấp yêu cầu về bồi thường thiệt hại do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 36 Bộ Luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2011 về thẩm quyền của Tòa theo sự lựa chọn của nguyên đơn. Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Việc bị đơn kháng cáo cho rằng Công ty TPM không có Chi nhánh tại 78 – 80 Khuông Việt, phường G, quận P, Tòa án nhân dân quận Tân Phú vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thụ lý vụ án không đúng thẩm quyền và đề nghị hủy án sơ thẩm không có cơ sở, không được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn cho rằng bị đơn - Công ty TPM chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thừa nhận nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B vào làm việc tại Chi nhánh Công ty TPM từ tháng 5, tháng 6 năm 2014 không ký hợp đồng lao động với hình thức làm việc thực tế có nhận lương hàng tháng, hai bên không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh có thỏa thuận xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 22 Bộ luật Lao động năm 2012, có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, ông Hồ Q B – Trưởng Phòng Hành Chính nhân sự của Công ty TPM ra Thông báo số 54 – 2015/TBNV – TPM ngày 14/9/2015 và Thông báo số 55 – 2015/TBNV – TPM ngày 14/9/2015 với nội dung đến hết ngày 05/11/2015 sẽ chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B với lý do Công ty không có nhu cầu tiếp tục trân dụng. Kể từ ngày 15/9/2015 đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động, bà Nguyễn Thị K P được nghỉ phép năm 30 ngày (tính đủ đến tháng 10 năm 2015), bà Huỳnh T B được nghỉ phép năm 35 ngày (tính đủ đến tháng 10 năm 2015).

Ngày 06/11/2015, Công ty TPM ra Quyết định số 01/11 – 15/QĐ quyết định thôi việc bà Nguyễn Thị K P kể từ ngày ký quyết định không nêu rõ lý do.

Ngày 18/11/2015, Công ty TPM ra Quyết định số 02/11 – 15/QĐ quyết định thôi việc bà Huỳnh T B kể từ ngày ký quyết định không nêu rõ lý do.

Việc Công ty TPM ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B như đã nêu trên không có căn cứ, trái quy định tại Điều

38 Bộ luật Lao động năm 2012 về quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động. Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B khởi kiện Công ty TPM tại Tòa án cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TPM khai: Trong quá trình làm việc tại Công ty, bà P, bà B thường xuyên nghỉ việc, không hoàn thành công việc được giao được nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn vi phạm. Ngày 14/9/2015, Công ty TPM lập biên bản xử lý kỷ luật lao động đối với bà P, bà B. Cùng ngày 14/9/2015, Công ty TPM ban hành Quyết định số 01/2015 – QĐKL – TPM và Quyết định số 02/2015 – QĐKL – TPM về việc thi hành kỷ luật với hình thức cho thôi việc đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B nhưng Công ty không phát hành hoặc giao hai Quyết định nêu trên cho bà P bà B.

Xét thấy, hai biên bản xử lý kỷ luật lao động ngày 14/9/2015 của Công ty TPM về việc xử lý kỷ luật lao động đối với bà P, bà B chỉ là hai biên bản mẫu, nội dung biên bản xử lý để trống không có ghi gì về sự tường trình của bà P bà B, không có ghi gì về trình bày của Công ty về sự việc xảy ra hoặc phát hiện như thế nào. Công ty hoàn toàn không có một ý kiến nào về chứng minh lỗi của người lao động, xác định mức độ vi phạm hoặc hình thức kỷ luật, hai biên bản xử lý kỷ luật lao động ngày 14/9/2015 của Công ty TPM không có chữ ký của người lao động là bà P và bà B. Xét thấy hai biên bản xử lý kỷ luật nêu trên không đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở hai biên bản xử lý kỷ luật lao động nêu trên, Công ty TPM ban hành Quyết định số 01/2015 – QĐKL – TPM và Quyết định số 02/2015 – QĐKL – TPM cùng ngày 14/9/2015 về việc thi hành kỷ luật với hình thức cho thôi việc đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B. Tuy nhiên, Công ty khai không giao hai Quyết định này cho bà P, bà B và hai quyết định này không phải là đối tượng để bà P, bà B khởi kiện.

[2] Như đã phân tích trên, xét thấy Công ty TPM đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả cho các bà tiền lương, bảo hiểm xã hội trong những ngày các bà không được làm việc tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 28 tháng 2 năm 2017 cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương hợp đồng lao động theo mức lương 3.320.000 đồng/tháng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012, có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty TPM không đồng ý nhận bà P, bà B trở lại làm việc. Bà P, bà B không yêu cầu hủy Quyết định số 01/11 – 15/QĐ ngày 06/11/2015 và Quyết định số 02/11 – 15/QĐ ngày 18/11/2015 về việc cho thôi việc, hai bà không muốn tiếp tục làm việc, đồng ý chấm dứt hợp đồng lao

động. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty trả thêm cho bà P, bà B 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 là đúng quy định.

[4] Xét thấy, trước khi ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà P, bà B, ngày 14/9/2015 Công ty đã ra Thông báo số 54 – 2015/TBNV – TPM và Thông báo số 55 – 2015/TBNV – TPM báo cho bà P, bà B biết đến hết ngày 05/11/2015 sẽ chấm dứt hợp đồng lao động đối với hai bà. Tại đơn khởi kiện bà P, bà B trình bày Công ty đã giao hai Thông báo này cho hai bà tại Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Công ty không có biên bản, tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh bà P, bà B đã nhận thông báo chấm dứt hợp đồng lao động nhưng ra quyết định buộc thôi việc là vi phạm thời hạn báo trước đồng thời buộc Công ty bồi thường cho bà P bà B 45 ngày do vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 5, Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 là không đúng các tình tiết khách quan của vụ án, lẽ ra Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần Quyết định này của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà P, bà B rút lại yêu cầu buộc Công ty bồi thường cho bà P bà B 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước và rút lại yêu cầu Công ty trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012. Việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện không trái quy định pháp luật có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử, xét sửa lại một phần Quyết định của bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu nguyên đơn đã rút lại.

[5] Như đã nhận định trên, Công ty TPM đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B, Công ty phải có nghĩa vụ trả cho bà P, bà B tiền lương trong những ngày các bà không được làm việc và cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012, được tính từ ngày 15/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2017 là 17 tháng 13 ngày theo mức lương 3.320.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty trả cho bà P, bà B mỗi người có 17 tháng lương cho những ngày không được làm việc, tính thiếu 13 ngày là làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Ngoài ra, tại tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu buộc Công ty TPM trả tiền bảo hiểm xã hội, Cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu của nguyên đơn nhưng không đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này là vi phạm khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 nhưng không nghiêm trọng, nguyên đơn không kháng cáo đối với phần này của bản án sơ thẩm. Ngày 04/4/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 243/QĐ/KNPT – LD kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 05/2017/ ST – LD ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo thủ tục phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm về việc tính lại thời gian và số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã

rút là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng như đã nêu là đúng quy định.

Hội đồng xét xử, xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về tính lại tiền lương những ngày bà P, bà B không được làm việc; đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã rút lại bao gồm: Yêu cầu buộc Công ty TPM trả tiền bảo hiểm xã hội; buộc Công ty bồi thường cho bà P và B 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 5, Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 và yêu cầu trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012.

[6] Về tiền lương trong những ngày bà P, bà B không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương được tính như sau:

6.1. Đối với bà P:

$[(3.320.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng}) + (3.320.000 \text{ đồng} : 22) \times 13 \text{ ngày}] = 58.401.818$ đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm lẻ một ngàn tám trăm mười tám đồng).

Bồi thường 02 tháng tiền lương theo khoản khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012: $3.320.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 6.640.000 \text{ đồng}$ (sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tổng số tiền Công ty TPM phải trả cho bà P: $58.401.818 \text{ đồng} + 6.640.000 \text{ đồng} = 65.041.818 \text{ đồng}$ (Sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn tám trăm mười tám đồng).

6.2. Đối với bà B:

$[(3.320.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng}) + (3.320.000 \text{ đồng} : 22) \times 13 \text{ ngày}] = 58.401.818$ đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm lẻ một ngàn tám trăm mười tám đồng).

Bồi thường 02 tháng tiền lương theo khoản khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012: $3.320.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 6.640.000 \text{ đồng}$ (sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tổng số tiền Công ty TPM phải trả cho bà B: $58.401.818 \text{ đồng} + 6.640.000 \text{ đồng} = 65.041.818 \text{ đồng}$ (Sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn tám trăm mười tám đồng).

[7] Về án phí:

Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về việc tính lại tiền lương những ngày bà P, bà B không được làm việc nên xác định lại nghĩa vụ chịu án phí lao động sơ thẩm.

Tiền án phí lao động sơ thẩm Công ty TPM phải nộp đối với số tiền phải trả cho bà P:

65.041.818 đồng x 3% = 1.951.254 đồng.

Tiền án phí lao động sơ thẩm Công ty TPM phải nộp đối với số tiền phải trả cho bà B:

65.041.818 đồng x 3% = 1.951.254 đồng.

Tổng số tiền án phí lao động sơ thẩm Công ty TPM phải nộp là 3.902.508 đồng (ba triệu chín trăm lẻ hai ngàn năm trăm lẻ tám đồng).

Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, Công ty TPM không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 32, Điều 147, 148, 293, khoản 2 Điều 308, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;

Điều a Khoản 1 Điều 22, Điều 38 Điều 41, Khoản 3 và khoản 5 Điều 42, Điều 96 Bộ luật Lao động năm 2012;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008; sửa đổi bổ sung năm 2014.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TPM.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 243/QĐ/KNPT – LD ngày 04/4/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

1. Xác định Công ty TPM đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B.

2. Công ty TPM có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B các khoản tiền sau:

2.1. Đối với bà Nguyễn Thị K P:

Trả tiền lương trong những ngày bà Nguyễn Thị K P không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tổng cộng là 65.041.818 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn tám trăm mười tám đồng).

2.2. Đối với bà Huỳnh T B:

Trả tiền lương những ngày bà Huỳnh T B không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương, tổng cộng là 65.041.818 đồng (Sáu mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn tám trăm mười tám đồng).

2.3. Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2.4. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng Công ty TPM còn phải trả thêm một khoản tiền bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng nhà nước Việt nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

3. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã rút lại bao gồm: Yêu cầu buộc Công ty TPM phải trả cho bà Nguyễn Thị K P và bà Huỳnh T B trả tiền bảo hiểm xã hội; bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 5, Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012; trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012.

4. Về án phí:

4.1. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TPM phải nộp 3.902.508 đồng (ba triệu chín trăm lẻ hai ngàn năm trăm lẻ tám đồng).

4.2. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TPM không phải nộp. Hoàn trả Công ty TPM số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0026263 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Tân Phú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Mai